

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH ĐIỀU LỆ

**Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông
có nhiều cấp học**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 23/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo, Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thiện Nhân

ĐIỀU LỆ

Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Điều lệ này quy định về trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là trường trung học), bao gồm: những quy định chung; tổ chức và quản lý nhà trường; chương trình và các hoạt động giáo dục; giáo viên; học sinh; tài sản của trường; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

2. Điều lệ này áp dụng cho các trường trung học (kể cả trường chuyên biệt quy định tại khoản 4 Điều 4 của Điều lệ này) và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục ở trường trung học.

Điều 2. Vị trí của trường trung học

Trường trung học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học

Trường trung học có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của Chương trình giáo dục phổ thông.

2. Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên; tham gia tuyển dụng và điều động giáo viên, cán bộ, nhân viên.

3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi cộng đồng.

5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

6. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

7. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

8. Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục.

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hệ thống trường trung học

1. Trường trung học có loại hình công lập và loại hình tư thục.

a) Trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và Nhà nước trực tiếp quản lý. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên, chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm;

b) Trường tư thục do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của trường tư thục là nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

2. Các trường có một cấp học gồm:

a) Trường trung học cơ sở;

b) Trường trung học phổ thông.

3. Các trường phổ thông có nhiều cấp học gồm:

a) Trường tiểu học và trung học cơ sở;

b) Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông;

c) Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

4. Các trường trung học chuyên biệt gồm các loại trường theo quy định tại Mục 3 Chương III của Luật Giáo dục.

Điều 5. Tên trường, biển tên trường

1. Việc đặt tên trường được quy định như sau:

Trường trung học cơ sở (hoặc: trung học phổ thông; tiểu học và trung học cơ sở; trung học cơ sở và trung học phổ thông; tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; trung học phổ thông chuyên) + tên riêng của trường, không ghi loại hình công lập, tư thục.

2. Tên trường được ghi trên quyết định thành lập, con dấu, biển tên trường và giấy tờ giao dịch.

3. Biển tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên, bên trái:

- Đối với trường trung học có cấp học cao nhất là cấp THCS:

Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố) trực thuộc tỉnh và tên huyện (quận, thị xã, thành phố) thuộc tỉnh;

Dòng thứ hai: Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với trường trung học có cấp THPT:

Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Dòng thứ hai: Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;

c) Dưới cùng là địa chỉ, số điện thoại.

4. Tên trường và biển tên trường của trường chuyên biệt có Quy chế về tổ chức và hoạt động riêng thì thực hiện theo Quy chế về tổ chức và hoạt động của loại trường chuyên biệt đó.

Điều 6. Phân cấp quản lý

1. Trường trung học có cấp học cao nhất là THCS do phòng giáo dục và đào tạo quản lý.

2. Trường trung học có cấp THPT do sở giáo dục và đào tạo quản lý.

Điều 7. Tổ chức và hoạt động của trường trung học có cấp tiểu học, trường trung học chuyên biệt và trường trung học tư thục

1. Trường trung học có cấp tiểu học phải tuân theo các quy định của Điều lệ này và Điều lệ trường tiểu học.

2. Các trường trung học chuyên biệt, trường trung học tư thục quy định tại Điều 4 của Điều lệ này tuân theo các quy định của Điều lệ này và Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt, trường tư thục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 8. Nội quy trường trung học

Các trường trung học căn cứ các quy định của Điều lệ này và các Quy chế, Điều lệ nói tại Điều 7 của Điều lệ này (đối với trường trung học có cấp tiểu học, trường trung học chuyên biệt, trường trung học tư thục) để xây dựng nội quy của trường mình.

Chương II TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

Điều 9. Thành lập trường trung học

Điều kiện thành lập trường trung học bao gồm:

1. Việc mở trường phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường trung học và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân mở trường có luận chứng khả thi bảo đảm:

a) Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ số lượng theo cơ cấu về loại hình giáo viên, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông;

b) Có cơ sở vật chất và tài chính bảo đảm đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục và thực hiện các quy định tại chương VI của Điều lệ này.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học

Thẩm quyền quyết định thành lập trường trung học công lập và cho phép thành lập trường trung học tư thục được quy định như sau:

1. Chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) quyết định đối với trường trung học có cấp học cao nhất là THCS, trường chuyên biệt (thuộc thẩm quyền theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt).

2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) quyết định đối với các trường trung học có cấp THPT, trường chuyên biệt thuộc thẩm quyền (theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt).

Điều 11. Hồ sơ và thủ tục thành lập trường trung học

1. Hồ sơ xin thành lập trường gồm:

- a) Đơn xin thành lập trường;
- b) Luận chứng khả thi với những nội dung chủ yếu quy định tại Điều 9 của Điều lệ này;
- c) Đề án tổ chức và hoạt động;
- d) Sơ yếu lý lịch của người dự kiến bổ trí làm Hiệu trưởng.

2. Lập hồ sơ xin thành lập trường.

Hồ sơ xin thành lập trường được lập theo quy định tại khoản 1 Điều này. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sau đây chịu trách nhiệm về việc lập hồ sơ:

a) Uỷ ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) đối với trường trung học có cấp học cao nhất là THCS;

b) Uỷ ban nhân dân cấp huyện đối với trường trung học có cấp THPT;

c) Tổ chức, cá nhân đối với các trường trung học tư thục.

3. Thủ tục xét duyệt thành lập trường.

a) Phòng giáo dục và đào tạo đối với trường trung học có cấp học cao nhất là THCS tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các ngành hữu quan ở cấp huyện tổ chức thẩm định về mức độ phù hợp của việc mở trường với quy hoạch mạng lưới trường trung học và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; mức độ khả thi của luận chứng quy định tại Điều 9 của Điều lệ này; trình Uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học (theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ này).

b) Sở giáo dục và đào tạo đối với trường trung học có cấp THPT tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các ngành hữu quan ở cấp tỉnh tổ chức thẩm định về mức độ phù hợp của việc mở trường với quy hoạch mạng lưới trường trung học và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; mức độ khả thi của luận

chúng quy định tại Điều 9 của Điều lệ này; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học (theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ này).

c) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cấp có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập trường có trách nhiệm thông báo kết quả bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân xin thành lập trường.

4. Hồ sơ, việc lập hồ sơ và thủ tục thành lập trường trung học chuyên biệt được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

Điều 12. Sáp nhập, chia, tách trường trung học

1. Việc sáp nhập, chia, tách trường phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- a) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường trung học;
- b) Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- c) Bảo đảm quyền lợi nhà giáo và người học;
- d) Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập thì có thẩm quyền quyết định sáp nhập, chia, tách trường. Trường hợp sáp nhập giữa các trường không do cùng một cấp có thẩm quyền thành lập thì cấp có thẩm quyền cao hơn quyết định; trường hợp cấp có thẩm quyền thành lập ngang nhau thì cấp có thẩm quyền ngang nhau đó quyết định.

3. Hồ sơ, trình tự và thủ tục sáp nhập, chia tách trường để thành lập hoặc cho phép thành lập trường mới tuân theo các quy định tại Điều 11 Điều lệ này.

Điều 13. Đình chỉ hoạt động trường trung học

1. Việc đình chỉ hoạt động của trường trung học được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm các quy định của pháp luật về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục ở mức độ phải đình chỉ;
- b) Vì lý do khách quan không bảo đảm hoạt động bình thường.

2. Người có thẩm quyền quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học thì có thẩm quyền quyết định đình chỉ hoạt động của nhà trường. Trong quyết định đình chỉ hoạt động của nhà trường phải xác định rõ lý do đình chỉ hoạt động, quy định rõ thời gian đình chỉ; các biện pháp đảm bảo quyền lợi của giáo viên và người học. Quyết định đình chỉ hoạt động của trường phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Sau thời gian đình chỉ, khi nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì cơ quan có thẩm quyền quyết định đình chỉ ra quyết định cho phép nhà trường hoạt động trở lại.

4. Trình tự, thủ tục đình chỉ hoạt động hoặc cho phép hoạt động trở lại của trường trung học

a) Trường phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường trung học do Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thành lập) tổ chức thanh tra, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đình chỉ hoạt động hoặc cho phép hoạt động trở lại của nhà trường.

b) Thanh tra sở giáo dục và đào tạo (đối với trường trung học do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập) tiến hành thanh tra và kiến nghị với sở giáo dục và đào tạo. Sở giáo dục và đào tạo tổ chức thẩm định, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đình chỉ hoạt động hoặc cho phép hoạt động trở lại của nhà trường.

5. Việc cho học sinh toàn trường tạm thời nghỉ học trong trường hợp thiên tai, thời tiết khắc nghiệt do giám đốc sở giáo dục và đào tạo quyết định.

Điều 14. Giải thể trường trung học

1. Trường trung học bị giải thể khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về quản lý, tổ chức, hoạt động của nhà trường;

b) Hết thời gian đình chỉ mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ;

c) Mục tiêu, nội dung hoạt động trong quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

d) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập thì có thẩm quyền quyết định giải thể hoặc cho phép giải thể nhà trường.

3. Cơ quan quản lý trực tiếp của trường xây dựng phương án giải thể nhà trường, trình cấp có thẩm quyền ra quyết định giải thể hoặc cho phép giải thể nhà trường. Trong quyết định giải thể hoặc cho phép giải thể nhà trường phải xác định rõ lý do giải thể; các biện pháp đảm bảo quyền lợi của giáo viên và người học. Quyết định giải thể nhà trường phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của các cơ quan Trung ương.

4. Trình tự, thủ tục giải thể trường trung học

a) Trường phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường trung học do Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thành lập) tổ chức thanh tra, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể hoặc cho phép giải thể nhà trường;

b) Thanh tra sở giáo dục và đào tạo (đối với trường trung học do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập) tiến hành thanh tra. Sở giáo dục và đào tạo tổ chức thẩm định, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc cho phép giải thể nhà trường.

Điều 15. Lớp, tổ học sinh, khối lớp

1. Lớp

- a) Học sinh được tổ chức theo lớp;
- b) Mỗi lớp ở các cấp THCS và THPT có không quá 45 học sinh;
- c) Số học sinh trong mỗi lớp của trường chuyên biệt được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

2. Mỗi lớp được chia thành nhiều tổ học sinh.

3. Mỗi lớp có lớp trưởng, 1 hoặc 2 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học; mỗi tổ có tổ trưởng, 1 tổ phó do tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học.

4. Hiệu trưởng thành lập khối lớp và quy định tổ chức, nhiệm vụ của khối lớp.

Điều 16. Tổ chuyên môn

1. Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng, giáo viên, viên chức thư viện, viên chức thiết bị thí nghiệm của trường trung học được tổ chức thành tổ chuyên môn theo môn học hoặc nhóm môn học ở từng cấp học THCS, THPT. Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng, từ 1 đến 2 tổ phó chịu sự quản lý chỉ đạo của Hiệu trưởng, do Hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ vào đầu năm học.

2. Tổ chuyên môn có những nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch giáo dục, phân phối chương trình môn học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch năm học của nhà trường;

b) Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên.

3. Tổ chuyên môn sinh hoạt hai tuần một lần.

Điều 17. Tổ văn phòng

1. Mỗi trường trung học có một tổ văn phòng, gồm viên chức làm công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế trường học và nhân viên khác.

2. Tổ văn phòng có tổ trưởng và 1 tổ phó, do Hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ.

Điều 18. Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng

1. Mỗi trường trung học có Hiệu trưởng và một số phó Hiệu trưởng. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng là 5 năm, thời gian đảm nhận chức vụ Hiệu trưởng không quá 2 nhiệm kỳ ở một trường trung học.

2. Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng phải có các tiêu chuẩn sau:

a) Về trình độ đào tạo và thời gian công tác: phải đạt trình độ chuẩn đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học, đạt trình độ chuẩn ở cấp học cao nhất đối với trường phổ thông có nhiều cấp học và đã dạy học ít nhất 5 năm (hoặc 3 năm đối với miền núi, hải đảo, vùng cao, vùng sâu, vùng xa,

vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) ở cấp học đó;

b) Đạt tiêu chuẩn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực quản lý, đã được bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ và quản lý giáo dục; có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm.

3. Theo đề nghị của Trường phòng giáo dục và đào tạo (khi nhà trường chưa có Hội đồng trường) và của Trường phòng giáo dục và đào tạo trên cơ sở giới thiệu của Hội đồng trường (khi nhà trường đã có Hội đồng trường), Chủ tịch uỷ ban nhân cấp huyện hoặc người được uỷ quyền ra quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng trường trung học công lập có cấp học cao nhất là THCS và ra quyết định công nhận Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng trường trung học tư thục có cấp học cao nhất là THCS.

4. Theo đề nghị của Giám đốc sở giáo dục và đào tạo (khi nhà trường chưa có Hội đồng trường) và của Giám đốc sở giáo dục và đào tạo trên cơ sở giới thiệu của Hội đồng trường (khi nhà trường đã có Hội đồng trường), Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được uỷ quyền ra quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng các trường trung học công lập có cấp THPT và ra quyết định công nhận Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng trường trung học tư thục có cấp THPT.

5. Người có thẩm quyền bổ nhiệm thì có quyền miễn nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng trường trung học.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng

a) Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường;

b) Thực hiện các Nghị quyết, Quyết nghị của Hội đồng trường được quy định tại khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này;

c) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học;

d) Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước; quản lý hồ sơ tuyển dụng giáo viên, nhân viên;

đ) Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học vào học bạ học sinh tiểu học (nếu có) của trường phổ thông có nhiều cấp học và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

e) Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường;

g) Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường.

h) Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;

i) Chịu trách nhiệm trước cấp trên về toàn bộ các nhiệm vụ được quy định trong khoản 1 Điều này.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của phó Hiệu trưởng

a) Thực hiện và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công;

b) Cùng với Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về phần việc được giao;

c) Thay mặt Hiệu trưởng điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hiệu trưởng uỷ quyền;

d) Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Hội đồng trường

1. Hội đồng trường đối với trường trung học công lập, Hội đồng quản trị đối với trường trung học tư thục được gọi chung là Hội đồng trường.

2. Hội đồng trường công lập có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Quyết nghị về mục tiêu, các dự án, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường;

b) Quyết nghị về việc huy động nguồn lực cho nhà trường;

c) Quyết nghị những vấn đề về tài chính, tài sản của nhà trường;

d) Quyết định về tổ chức, nhân sự theo quy định và có quyền giới thiệu người đề cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm làm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng;

đ) Giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường.

3. Thủ tục thành lập, cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường công lập.

a) Thành phần của Hội đồng trường.

Nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 5 năm. Hội đồng trường có chủ tịch và các thành viên khác của hội đồng, trong đó có 1 thư ký. Các thành viên của Hội đồng trường gồm: một đại diện của tổ chức Đảng do tổ chức Đảng cử, một đại diện của tổ chức Công đoàn do Ban chấp hành Công đoàn cử, một đại diện của Ban giám hiệu nhà trường do Ban giám hiệu nhà trường cử, đại diện giáo viên (từ 3 đến 7 người) do hội nghị toàn thể giáo viên bầu chọn, một đại diện Ban đại diện cha mẹ

học sinh của trường do Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường cử. Tổng số thành viên của Hội đồng trường từ 7 đến là 11 người;

b) Người có thẩm quyền bổ nhiệm Hiệu trưởng nhà trường (quy định tại các khoản 3 và 4 Điều 18 của Điều lệ này) thì có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng trường (sau đây gọi là cấp có thẩm quyền);

c) Quy trình bầu cử các thành viên và thành lập Hội đồng trường như sau:

- Theo đề nghị của Hiệu trưởng (khi thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ đầu tiên) và của Chủ tịch Hội đồng trường (khi nhà trường đã có Hội đồng trường, kể từ nhiệm kỳ thứ 2 trở đi), cơ quan giáo dục quản lý trực tiếp của nhà trường (quy định tại Điều 6 của Điều lệ này) trình cấp có thẩm quyền (nói tại điểm b khoản 3 của Điều này) duyệt chủ trương, ra quyết định công nhận các thành viên và thành lập Hội đồng trường;

- Khi thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ đầu tiên, Hiệu trưởng trình cơ quan giáo dục quản lý trực tiếp của nhà trường theo các bước sau:

+ Bước 1: Hiệu trưởng trình đề xin phép về chủ trương, dự kiến số lượng, cơ cấu thành viên và kế hoạch triển khai cụ thể của Hội đồng trường;

+ Bước 2: Sau khi có ý kiến phê duyệt của cấp có thẩm quyền, Hiệu trưởng trao đổi với các tổ chức liên quan nói tại khoản 3 của Điều này và họp toàn thể giáo viên của trường để chuẩn bị nhân sự của Hội đồng trường;

+ Bước 3: Hiệu trưởng trình danh sách các thành viên Hội đồng trường.

+ Bước 4: Khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng tổ chức các thành viên của Hội đồng trường họp khoá đầu tiên để bầu Chủ tịch và Thư ký của Hội đồng trường;

+ Bước 5: Hiệu trưởng trình kết quả bầu chủ tịch và thư ký để cấp có thẩm quyền ra quyết định thành lập Hội đồng trường;

- Khi nhà trường đã có Hội đồng trường (kể từ nhiệm kỳ thứ 2 trở đi), 6 tháng trước khi hết nhiệm kỳ, Chủ tịch Hội đồng trường chịu trách nhiệm trình cơ quan giáo dục quản lý trực tiếp của nhà trường theo quy trình và các bước 1, 2, 3, 4, 5 tương ứng như quy định đối với Hiệu trưởng (nói tại điểm c khoản 3 Điều này) để thành lập Hội đồng trường cho nhiệm kỳ tiếp theo.

d) Trong nhiệm kỳ, nếu có yêu cầu đột xuất về việc thay đổi thành viên của Hội đồng trường, thì Hội đồng trường ra Nghị quyết, Chủ tịch Hội đồng trường đề nghị cơ quan giáo dục quản lý trực tiếp của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận. Nếu thành viên cần thay đổi là Chủ tịch Hội đồng trường, thì cấp có thẩm quyền lấy ý kiến của từng thành viên Hội đồng trường trước khi quyết định công nhận.

4. Hoạt động của Hội đồng trường của trường công lập

a) Hội đồng trường họp thường kỳ ít nhất hai lần trong một năm. Các phiên họp do Chủ tịch Hội đồng trường triệu tập để thảo luận, biểu quyết những vấn đề quy định tại khoản 2 Điều này. Phiên họp của Hội đồng trường phải đảm bảo có

mặt ít nhất $\frac{3}{4}$ số thành viên (trong đó có chủ tịch) mới hợp lệ. Các nghị quyết của Hội đồng trường được thông qua bằng biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản tại cuộc họp. Nghị quyết của Hội đồng trường chỉ có hiệu lực khi được ít nhất $\frac{2}{3}$ số thành viên nhất trí, được công bố công khai trong toàn trường. Chủ tịch Hội đồng trường triệu tập họp bất thường khi Hiệu trưởng đề nghị hoặc khi có ít nhất $\frac{1}{3}$ số thành viên Hội đồng đề nghị.

b) Hiệu trưởng có trách nhiệm thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường về những nội dung được quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu Hiệu trưởng không nhất trí với quyết nghị của Hội đồng trường phải kịp thời báo cáo xin ý kiến cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp của nhà trường. Trong thời gian chờ ý kiến của cấp có thẩm quyền nói tại khoản 3 Điều này, Hiệu trưởng vẫn phải thực hiện theo quyết nghị của Hội đồng trường.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục thành lập, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường của trường tự thực được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động trường tự thực.

Điều 21. Các hội đồng khác trong nhà trường

1. Hội đồng thi đua và khen thưởng

Hội đồng thi đua khen thưởng tư vấn về công tác thi đua khen thưởng trong nhà trường và động theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hội đồng kỷ luật

a) Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét hoặc xoá kỷ luật đối với học sinh theo từng vụ việc. Hội đồng kỷ luật do Hiệu trưởng quyết định thành lập và làm chủ tịch, gồm: Hiệu trưởng, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có), Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (nếu có), giáo viên chủ nhiệm lớp có học sinh phạm lỗi, một số giáo viên có kinh nghiệm giáo dục và Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh của trường;

b) Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét và đề nghị xử lý kỉ luật đối với cán bộ, giáo viên, viên chức khác theo từng vụ việc. Việc thành lập, thành phần và hoạt động của Hội đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Hiệu trưởng có thể thành lập các hội đồng tư vấn khác theo yêu cầu cụ thể của từng công việc. Nhiệm vụ, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng này do Hiệu trưởng quy định.

Điều 22. Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong nhà trường

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

2. Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật và giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Điều 23. Quản lý tài sản, tài chính

1. Việc quản lý tài sản của nhà trường phải tuân theo các quy định của pháp luật; mọi thành viên của trường có trách nhiệm bảo vệ tài sản nhà trường.

2. Việc quản lý thu, chi từ các nguồn tài chính của nhà trường phải tuân theo các quy định về kế toán, thống kê, báo cáo của Bộ Tài chính, của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính.

Chương III **CHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

Điều 24. Chương trình giáo dục

1. Trường trung học thực hiện việc giảng dạy và học tập theo chương trình giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Trường trung học thực hiện thời gian học tập theo biên chế năm học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

3. Căn cứ chương trình giáo dục và biên chế năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch và thời khoá biểu để điều hành hoạt động dạy học.

Điều 25. Sách giáo khoa, sách bài tập, thiết bị dạy học và tài liệu tham khảo

1. Sách giáo khoa cụ thể hoá các yêu cầu về nội dung kiến thức và kỹ năng quy định trong chương trình giáo dục của các môn học ở mỗi lớp của giáo dục phổ thông, đáp ứng yêu cầu về phương pháp giáo dục phổ thông. Sách giáo khoa do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo duyệt để sử dụng chính thức, ổn định, thống nhất trong giảng dạy, học tập ở trường trung học.

2. Trường trung học sử dụng các thiết bị dạy học, sách bài tập và tài liệu tham khảo theo các danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Mọi tổ chức, cá nhân không được ép buộc học sinh mua tài liệu tham khảo.

Điều 26. Các hoạt động giáo dục

1. Hoạt động giáo dục trên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Nhà trường phối hợp với các tổ chức, cá nhân tham gia giáo dục ngoài nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khoá về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường; các hoạt động xã hội, từ thiện phù hợp với đặc điểm sinh lý lứa tuổi học sinh.

Điều 27. Hệ thống hồ sơ, sổ sách về hoạt động giáo dục trong trường

Hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục trong trường gồm:

1. Đối với nhà trường:

- Sổ đăng bộ,
- Sổ gọi tên và ghi điểm,
- Sổ ghi đầu bài,
- Học bạ học sinh,
- Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ,
- Sổ theo dõi phổ cập giáo dục,
- Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến,
- Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của hội đồng trường,
- Hồ sơ thi đua của nhà trường,
- Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên,
- Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật học sinh,
- Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn,
- Sổ quản lý tài sản,
- Sổ quản lý tài chính,
- Hồ sơ quản lý thiết bị dạy học và thực hành thí nghiệm,
- Hồ sơ quản lý thư viện,
- Hồ sơ theo dõi sức khoẻ học sinh.

2. Đối với giáo viên:

- Bài soạn,
- Sổ kế hoạch giảng dạy theo tuần,
- Sổ dự giờ thăm lớp,
- Sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp).

Điều 28. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

1. Học sinh được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo Quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Việc ra đề kiểm tra phải căn cứ vào các yêu cầu về nội dung và phương pháp giáo dục theo chương trình giáo dục và sách giáo khoa.

3. Việc đánh giá học sinh phải bảo đảm yêu cầu công khai, công bằng, khách quan, chính xác và toàn diện. Kết quả đánh giá và xếp loại học sinh phải được thông báo cho gia đình vào cuối học kỳ và cuối năm học.

4. Học sinh tiểu học trường phổ thông có nhiều cấp học học hết chương trình tiểu học, có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào

tạo thì được Hiệu trưởng trường phổ thông có nhiều cấp học xác nhận trong học bạ việc hoàn thành chương trình tiểu học.

5. Học sinh học hết chương trình THCS, có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được Trường phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện cấp bằng tốt nghiệp THCS.

6. Học sinh học hết chương trình THPT, có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu thì được Giám đốc sở giáo dục và đào tạo cấp bằng tốt nghiệp THPT.

Điều 29. Giữ gìn và phát huy truyền thống nhà trường

1. Trường trung học có phòng truyền thống để giữ gìn những tài liệu, hiện vật có liên quan tới việc thành lập và phát triển của nhà trường, nhằm giáo dục truyền thống cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Mỗi trường có thể chọn một ngày trong năm làm ngày truyền thống của trường mình và lấy ngày đó để tổ chức hội trường hằng năm hoặc một số năm.

3. Học sinh cũ của trường được thành lập ban liên lạc để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của nhà trường, huy động các nguồn lực để giúp đỡ nhà trường trong việc thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Chương IV GIÁO VIÊN

Điều 30. Giáo viên trường trung học

Giáo viên trường trung học là người làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong nhà trường, gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên bộ môn, giáo viên làm công tác Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (bí thư, phó bí thư hoặc trợ lý thanh niên, cố vấn Đoàn) đối với trường trung học có cấp THPT, giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (đối với trường trung học có cấp tiểu học hoặc cấp THCS).

Điều 31. Nhiệm vụ của giáo viên trường trung học

1. Giáo viên bộ môn có những nhiệm vụ sau đây:

a) Dạy học và giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục; soạn bài; dạy thực hành thí nghiệm, kiểm tra, đánh giá theo quy định; vào sổ điểm, ghi học bạ đầy đủ, lên lớp đúng giờ, quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức, tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn;

b) Tham gia công tác phổ cập giáo dục ở địa phương;

c) Rèn luyện đạo đức, học tập văn hoá, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục;

d) Thực hiện Điều lệ nhà trường; thực hiện quyết định của Hiệu trưởng, chịu sự kiểm tra của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục;

đ) Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, gương mẫu trước học sinh, thương yêu, tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp;

e) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên khác, gia đình học sinh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh trong dạy học và giáo dục học sinh.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Giáo viên chủ nhiệm, ngoài các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 của Điều này, còn có những nhiệm vụ sau đây:

a) Tìm hiểu và nắm vững học sinh trong lớp về mọi mặt để có biện pháp tổ chức giáo dục sát đối tượng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp;

b) Cộng tác chặt chẽ với gia đình học sinh, chủ động phối hợp với các giáo viên bộ môn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội có liên quan trong hoạt động giảng dạy và giáo dục học sinh của lớp mình chủ nhiệm;

c) Nhận xét, đánh giá và xếp loại học sinh cuối kỳ và cuối năm học, đề nghị khen thưởng và kỷ luật học sinh, đề nghị danh sách học sinh được lên lớp thẳng, phải kiểm tra lại, phải rèn luyện thêm về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè, phải ở lại lớp, hoàn chỉnh việc ghi vào sổ điểm và học bạ học sinh;

d) Báo cáo thường kỳ hoặc đột xuất về tình hình của lớp với Hiệu trưởng.

3. Giáo viên thỉnh giảng cũng phải thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Giáo viên làm công tác Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là giáo viên THPT được bồi dưỡng về công tác Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ tổ chức các hoạt động của Đoàn ở nhà trường và tham gia các hoạt động với địa phương.

5. Giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh là giáo viên THCS được bồi dưỡng về công tác Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ tổ chức các hoạt động của Đội ở nhà trường và phối hợp hoạt động với địa phương.

Điều 32. Quyền của giáo viên

1. Giáo viên có những quyền sau đây:

a) Được nhà trường tạo điều kiện để giảng dạy và giáo dục học sinh;

b) Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo;

c) Được trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức tham gia quản lý nhà trường;

d) Được hưởng lương và phụ cấp (nếu có) khi được cử đi học để đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành;

đ) Được hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học tại các trường và cơ sở giáo dục khác nếu được sự đồng ý của Hiệu trưởng và thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ quy định tại Điều 31 của Điều lệ này;

e) Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự;

g) Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Giáo viên chủ nhiệm ngoài các quyền quy định tại khoản 1 của Điều này, còn có những quyền sau đây:

a) Được dự các giờ học, hoạt động giáo dục khác của học sinh lớp mình;

b) Được dự các cuộc họp của Hội đồng khen thưởng và Hội đồng kỷ luật khi giải quyết những vấn đề có liên quan đến học sinh của lớp mình;

c) Được dự các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề về công tác chủ nhiệm;

d) Được quyền cho phép cá nhân học sinh nghỉ học không quá 3 ngày;

đ) Được giảm giờ lên lớp hàng tuần theo quy định khi làm chủ nhiệm lớp.

3. Giáo viên làm công tác Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Điều 33. Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên

1. Trình độ chuẩn đào tạo của giáo viên trường trung học được quy định như sau:

a) Đối với giáo viên tiểu học: có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm;

b) Đối với giáo viên THCS: có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo đúng chuyên ngành của các khoa, trường sư phạm;

c) Đối với giáo viên THPT: có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo đúng chuyên ngành tại các khoa, trường đại học sư phạm.

2. Giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này được nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục tạo điều kiện để đạt trình độ chuẩn.

3. Giáo viên có trình độ trên chuẩn được nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục tạo điều kiện để phát huy tác dụng của mình trong giảng dạy và giáo dục.

Điều 34. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của giáo viên

1. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử của giáo viên phải mẫu mực, có tác dụng giáo dục đối với học sinh.

2. Trang phục của giáo viên phải chỉnh tề, phù hợp với hoạt động sư phạm, theo quy định của Chính phủ về trang phục của viên chức Nhà nước.

Điều 35. Các hành vi giáo viên không được làm

Giáo viên không được có các hành vi sau đây:

1. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể của học sinh, đồng nghiệp, người khác.

2. Gian lận trong kiểm tra, thi cử, tuyển sinh; gian lận trong đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

3. Xuyên tạc nội dung giáo dục.

4. Ép buộc học sinh học thêm để thu tiền.

5. Hút thuốc; uống rượu, bia; nghe, trả lời bằng điện thoại di động khi đang dạy học, khi đang tham gia các hoạt động giáo dục ở nhà trường.

Điều 36. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Giáo viên có thành tích sẽ được khen thưởng, được tặng các danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác.

2. Giáo viên có hành vi vi phạm quy định tại Điều lệ này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V HỌC SINH

Điều 37. Tuổi học sinh trường trung học

1. Tuổi của học sinh vào lớp sáu THCS: từ 11 đến 13 tuổi.

2. Tuổi của học sinh vào lớp mười THPT: từ 15 đến 17 tuổi.

3. Các trường hợp sau đây được vào cấp học ở tuổi cao hơn tuổi quy định:

a) Được cao hơn 1 tuổi với học sinh nữ, học sinh từ nước ngoài về nước;

b) Được cao hơn 2 tuổi với học sinh người dân tộc thiểu số, học sinh ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn, học sinh khuyết tật, tàn tật, kém phát triển thể lực và trí tuệ, học sinh mồ côi không nơi nương tựa, học sinh trong diện hộ đói nghèo theo quy định của Nhà nước;

Nếu thuộc nhiều trường hợp nêu tại các điểm a và b khoản 3 Điều này chỉ được áp dụng 1 quy định cho 1 trong các trường hợp đó.

4. Học sinh có thể lực tốt và phát triển sớm về trí tuệ có thể vào học trước tuổi hoặc học vượt lớp nếu được nhà trường đề nghị và theo các quy định sau:

a) Việc cho học vượt lớp chỉ áp dụng trong phạm vi cấp học;

b) Học trước một tuổi do giám đốc sở giáo dục và đào tạo cho phép căn cứ vào đề nghị của phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện (đối với học sinh trường trung học có cấp học cao nhất là THCS) và đề nghị của trường trung học có cấp THPT (đối với học sinh trường trung học có cấp THPT);

c) Trường hợp học vượt lớp và trường hợp học trước tuổi ngoài quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này, phải được Giám đốc sở giáo dục và đào tạo đề nghị và được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

Điều 38. Nhiệm vụ của học sinh

Học sinh có những nhiệm vụ sau đây:

1. Kính trọng thầy giáo, cô giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước;
2. Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường;
3. Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn và bảo vệ môi trường;
4. Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, giúp đỡ gia đình và tham gia công tác xã hội.
5. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.

Điều 39. Quyền của học sinh

Học sinh có những quyền sau đây:

1. Được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao, thể dục của nhà trường theo quy định;
2. Được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được quyền chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được học trước tuổi, học vượt lớp, học ở tuổi cao hơn tuổi quy định nói tại Điều 37 của Điều lệ này;
3. Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể dục, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện;
4. Được nhận học bổng hoặc trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt;
5. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của học sinh

1. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử của học sinh trung học phải có văn hoá, phù hợp với đạo đức và lối sống của lứa tuổi học sinh trung học.
2. Trang phục của học sinh phải sạch sẽ, gọn gàng, thích hợp với độ tuổi, thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt ở nhà trường.
3. Khi đi học, không được tô son, đánh phấn, sơn móng tay, móng chân, nhuộm tóc để trang điểm.

Tuỳ điều kiện của từng trường, Hiệu trưởng có thể quyết định để học sinh mặc đồng phục một số buổi trong tuần nếu được nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường đồng ý.

Điều 41. Các hành vi học sinh không được làm

Học sinh không được có các hành vi sau đây:

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, người khác và học sinh khác;
2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh;
3. Đánh nhau, gây rối trật tự, an ninh trong nhà trường và nơi công cộng;
4. Làm việc khác; nghe, trả lời bằng điện thoại di động; hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học, khi đang tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường.
5. Đánh bạc; vận chuyển, mang đến trường, tàng trữ, sử dụng ma túy, hung khí, vũ khí, chất nổ, chất độc; lưu hành, sử dụng văn hoá phẩm độc hại, đồi trụy; tham gia tệ nạn xã hội.

Điều 42. Khen thưởng và kỷ luật

1. Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện được nhà trường và các cấp quản lý giáo dục khen thưởng bằng các hình thức sau đây:

- Khen trước lớp, trước trường;
- Khen thưởng cho học sinh tiên tiến, học sinh giỏi;
- Cấp giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, nếu đoạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các hình thức khen thưởng khác.

2. Học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện có thể được khuyến răn hoặc xử lý kỉ luật theo các hình thức sau đây:

- Phê bình trước lớp, trước trường;
- Khiển trách và thông báo với gia đình;
- Cảnh cáo ghi học bạ;
- Buộc thôi học có thời hạn.

Chương VI TÀI SẢN CỦA TRƯỜNG

Điều 43. Trường học

1. Địa điểm:

a) Trường học là một khu riêng được đặt trong môi trường thuận lợi cho giáo dục. Trường phải có tường bao quanh, có cổng trường và biển trường;

b) Tổng diện tích mặt bằng của trường tính theo đầu học sinh của trường ít nhất phải đạt:

- Từ 6 m²/học sinh trở lên (đối với nội thành, nội thị);
- Từ 10 m²/học sinh trở lên (đối với các vùng còn lại).

2. Cơ cấu các khối công trình:

- Khối phòng học, phòng học bộ môn;
- Khối phục vụ học tập;
- Khối phòng hành chính;
- Khu sân chơi, bãi tập;
- Khu vệ sinh và khu để xe.

Điều 44. Quy định cụ thể cho các khối công trình

1. Phòng học, phòng học bộ môn

a) Phòng học:

- Có đủ phòng học để học nhiều nhất là hai ca trong 1 ngày;
- Phòng học xây dựng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng học có đủ bàn ghế học sinh phù hợp với từng cấp học, bàn ghế của giáo viên, có bảng viết và đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát.

b) Phòng học bộ môn: Thực hiện theo Quy định về tiêu chuẩn phòng học bộ môn do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Khối phục vụ học tập gồm nhà tập đa năng, thư viện, phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng truyền thống.

3. Khối hành chính - quản trị.

Gồm phòng làm việc của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ và viên chức nhà trường, phòng giáo viên, phòng y tế học đường, nhà kho, phòng thường trực. Các phòng này phải được trang bị bàn, ghế, tủ, thiết bị làm việc.

4. Khu sân chơi, bãi tập.

Có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích mặt bằng của trường, khu sân chơi có hoa, cây bóng mát và đảm bảo vệ sinh, khu bãi tập có đủ thiết bị luyện tập thể dục thể thao và đảm bảo an toàn.

5. Khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước.

a) Khu vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khu làm việc, học tập cho giáo viên và học sinh, có đủ nước, ánh sáng, đảm bảo vệ sinh, không làm ô nhiễm môi trường;

b) Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường.

6. Khu để xe.

Bố trí hợp lý trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn, trật tự, vệ sinh.

Chương VII

QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Điều 45. Trách nhiệm của nhà trường

Nhà trường phải chủ động phối hợp thường xuyên và chặt chẽ với gia đình và xã hội để xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Điều 46. Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Mỗi lớp có một Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức theo từng năm học gồm các thành viên do cha mẹ, người giám hộ học sinh cử ra để phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn trong việc giáo dục học sinh.

2. Mỗi trường có một Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức trong mỗi năm học gồm một số thành viên do các Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp bầu ra để phối hợp với nhà trường thực hiện các quy định tại Điều 45 của Điều lệ này.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp, từng trường trung học thực hiện theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Điều 47. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức và cá nhân nhằm:

1. Thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

2. Huy động mọi lực lượng của cộng đồng chăm lo sự nghiệp giáo dục, xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thiện Nhân